

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2026

V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Xoan

Bà Phạm Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Quang Thái Tài – Thư ký, Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Võ Trọng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Xen Thị Y, sinh năm 1994. Số định danh cá nhân 040194032060 (Có đơn xét xử vắng mặt)

Đăng ký thường trú: Làng Nhùng, xã T, tỉnh Nghệ An

Chỗ ở hiện nay: 34-23 M, M-cho, thành phố U, tỉnh Kyoto, Japan (Nhật Bản).

Người được nguyên đơn ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Ông Nguyễn Viết D. Địa chỉ: 2 đường P, phường T, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Anh Lữ Văn P, sinh năm 1990. Số định danh cá nhân 040090011821

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Làng Nhùng, xã T, tỉnh Nghệ An Chỗ ở hiện nay: Nhật Bản, vắng mặt lần thứ hai

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lô Thị T, sinh năm 1974, căn cước công dân số 040174027469 (Có đơn xét xử vắng mặt)

Trú tại: bản Q, xã T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Xen Thị Y và anh Lữ Văn P tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2013. Chị Y và anh P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) vào ngày **12 tháng 6 năm 2013** trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2020 thì do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có điều kiện để nuôi con nên chị Y đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, đến năm 2022 thì anh P cũng đi xuất khẩu lao động Nhật Bản. Tuy hai vợ chồng cùng sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nhưng lại ở hai tỉnh cách xa nhau, do công việc bận rộn vợ chồng ít khi trao đổi tâm sự với nhau nên tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Đến năm 2022 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù chị Y đã cố gắng hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, anh P chặn mọi liên lạc với chị Y. Từ năm 2022 thì vợ chồng không còn liên lạc với nhau, sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị Y có nguyện vọng ly hôn với anh P để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị Y và anh P có 01 con chung là cháu Lữ Quốc V, sinh ngày 08/01/2016 hiện cháu đang sống cùng chị Y và bà ngoại tại bản Q, xã T, tỉnh Nghệ An. Vào năm 2020 chị Y đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản thì chị Y và anh P giao cháu V cho bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tháng chị Y gửi cho bà ngoại số tiền 5.000.000đ để bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, ngoài số tiền gửi hàng tháng thì chị Y còn mua quần áo, sách vở, tiền học cho cháu. Hiện nay Chị Y hết hạn hợp đồng được về thăm nhà 01 tháng, hết 01 tháng thì chị Y lại sang Nhật Bản để làm việc. Nên nếu ly hôn đặt ra chị Y có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, trong thời gian chị Y đang ở Nhật Bản thì chị Y có nguyện vọng tạm giao cháu Lữ Quốc V cho bà Lô Thị T mẹ đẻ của chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi chị Y trở về Việt Nam. Về cấp dưỡng: Chị Y không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về phía bị đơn: Quá trình từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt, thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho thân nhân anh Lữ Văn P, thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự, nhưng bị đơn là anh Lữ Văn P vắng mặt và không có ý kiến về vụ án.

Chị Xen Thị Y không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh Lữ Văn P, chỉ biết hiện nay anh P đang sinh sống tại Nhật Bản. Theo Công văn số 1027/QLXNC-Đ1 ngày 12/3/2026 của Phòng Q Công an tỉnh N thì anh Lữ Văn P, sinh ngày 27/7/1990 số CMND 186566837 sử dụng hộ chiếu C9609962 xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế N ngày 02/6/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Toà án đã yêu cầu ông Lữ Đình X, bà Lô Thị L, trú tại làng N, xã T, tỉnh Nghệ An cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn – anh Lữ Văn P cũng như yêu cầu ông X, bà L thông báo cho anh P biết chị Xen Thị Y khởi kiện ly hôn anh P; đề nghị anh P gửi cho Toà án lời khai, yêu cầu về vụ án trên. Bà Lô Thị L cho biết thời gian ở nước ngoài, anh P thường xuyên liên lạc về với gia đình, anh P thường xuyên liên lạc với gia đình, liên lạc thông qua mạng xã hội qua Messenger “Bôn Hoang”, và đã biết việc chị Xen Thị Y làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lữ Văn P, đã đề nghị anh P cung cấp địa chỉ và gửi ý kiến về cho Toà án. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án không nhận được văn bản thể hiện ý kiến của anh Lữ Văn P liên quan đến giải quyết vụ án trên cũng như không ai cung cấp thông tin về nơi cư trú, làm việc hiện tại của anh P.

Lời khai cháu Lữ Quốc V, sinh ngày 08/01/2016 trình bày: Cháu có nguyện vọng ở với mẹ Xen Thị Y và bà ngoại Lô Thị T.

Bản tự khai bà Lô Thị T trình bày:

Chị Xen Thị Y và anh Lữ Văn P kết hôn vào năm 2013 và đăng lý kết hôn tại UBND xã T (nay là xã T), tỉnh Nghệ An, chị Xen Thị Y và anh Lữ Văn P có 01 con chung tên cháu là Lữ Quốc V, sinh ngày 08/01/2016 hiện cháu đang sống cùng với bà T tại bản Q, xã T, tỉnh Nghệ An. Vào năm 2020 chị Y đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, chị Y giao cháu Lữ Quốc V lại cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, trung bình mỗi tháng chị Y gửi cho bà T số tiền 5.000.000đ để nuôi dưỡng cháu V. Ngoài ra, chị Y thường xuyên gọi điện hỏi thăm việc học tập, cuộc sống hàng ngày của cháu V, ngoài số tiền 5.000.000đ chị Y gửi hàng tháng thì tiền học của cháu V chị Y cũng gửi riêng cho bà T. Còn anh Lữ Văn P thì vào năm 2021 anh P cũng đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, anh P cũng thường xuyên gọi điện cho cháu V, bố mẹ đẻ anh P cũng thường xuyên qua lại thăm nom chăm sóc cháu, nhưng người trực tiếp nuôi dưỡng cháu là bà T, chị Y là người chu cấp tiền cho bà T để nuôi cháu V. Chị Y hiện nay mới về Việt Nam thăm gia đình được 01 tháng, hết 01 tháng thì chị Y lại trở về Nhật Bản để tiếp tục đi làm. Còn anh Lữ Văn P thì bà T không biết địa chỉ cụ thể ở tại đâu Nhật Bản chỉ liên lạc với qua M “Bôn Hoang”. Nay chị Y có nguyện vọng ly hôn với anh Lữ Văn P thì bà T không có ý kiến gì đó là quyết định của chị Y. Bà T đồng ý với ý kiến của chị Y là giao cháu Lữ Quốc V cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, trong thời gian chị Y ở nước ngoài chưa về được thì đề nghị giao cháu Lữ Quốc V cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Y trở về Việt Nam. Bà T chăm sóc cháu Lữ Quốc V từ năm 2020 cho đến nay thì bà T không yêu cầu chị Xen Thị Y, anh Lữ Văn P trả tiền công chăm sóc cho bà T, chỉ mong muốn được tiếp tục chăm sóc cháu V cho đến khi chị Y trở về Việt Nam.

Bản tự khai bà Lô Thị L mẹ đẻ anh P:

Anh P đi nước ngoài theo hình thức Xuất khẩu lao động, xuất cảnh vào cuối năm 2022. Từ khi anh P xuất cảnh đến nay thì chưa về nhà lần nào, anh P thường xuyên liên lạc với gia đình, liên lạc thông qua mạng xã hội messenger “Bôn Hoang”. Anh P hiện nay không thể về Việt Nam để tham gia giải quyết vụ án theo nội dung và phạm vi khởi kiện của chị Y được vì anh P công việc rất bận rộn, bà L hỏi ý kiến anh P thì anh P đồng ý cho bà L nhận thay tất cả các văn bản mà Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An giao cho anh P, còn bản thân bà L sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh P biết toàn bộ nội dung văn bản.

Về yêu cầu khởi kiện của chị Xen Thị Y thì anh P có ý kiến như sau: Anh P đồng ý ly hôn với chị Y, anh P và chị Y có 01 người con chung là cháu Lữ Quốc V, sinh ngày 08/01/2016 hiện cháu đang sống với bà ngoại Lô Thị T tại bản Q, xã T, tỉnh Nghệ An, nếu ly hôn anh P tôn trọng ý kiến của cháu, cháu muốn sống cùng ai do cháu quyết định, tài sản chung, nợ chung: Anh P không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81,82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Xen Thị Y được ly hôn với anh Lữ Văn P; giao cháu Lữ Quốc V, sinh ngày 08/01/2016 cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tạm giao cháu V cho bà Lô Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Y trở về Việt Nam; không xem xét việc cấp dưỡng nuôi và chi phí chăm sóc cháu V do chị Y, bà T không yêu cầu, nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Chị Xen Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên không xem xét; Về án phí: Buộc chị Xen Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền:

Bị đơn – anh Lữ Văn P có địa chỉ trước khi xuất cảnh làng N, xã Q, Nghệ An nhưng hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên Tòa án nhân dân khu vực 11- Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi năm 2025); Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1.2] Về thủ tục hòa giải: Căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được vì hiện nay anh Lữ Văn P, chị Xen Thị Y không có mặt tại Việt Nam và chị Y có đơn đề nghị không hòa giải.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với Nguyên đơn – Chị Xen Thị Y có địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh tại làng N, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là làng N, xã T, tỉnh Nghệ An); Chỗ ở hiện nay: 3 M, M-cho, thành phố U, tỉnh Kyoto, Japan (Nhật Bản), đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Viết D. Địa chỉ: 2 đường P, phường T, tỉnh Hà Tĩnh nộp hồ sơ khởi kiện (có chứng thực của T1 tại O tại Nhật Bản) cho Tòa án nhân dân khu vực 1- Nghệ An và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn – Anh Lữ Văn P: Công văn số 1027/QLXNC-Đ1 ngày 12/3/2026 của Phòng Q Công an tỉnh N thì anh Lữ Văn P, sinh ngày 27/7/1990 số CMND 186566837 sử dụng hộ chiếu C9609962 xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế N ngày 02/6/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tổng đạt, thông báo, các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lữ Văn P, nhưng anh P vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Việc anh P không cung cấp địa chỉ và không có ý kiến về vụ án thể hiện anh P cố tình dấu địa chỉ.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lô Thị T có đơn xét xử vắng mặt.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ ý kiến trình bày của đương sự, căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự và UBND xã T, tỉnh Nghệ An cung cấp, Hội đồng xét xử xác định chị Xen Thị Y và anh Lữ Văn P làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 021/2013 ngày 12/6/2013, việc kết hôn giữa hai người là trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc do đó hôn nhân giữa chị Xen Thị Y và anh Lữ Văn P là hợp pháp. Chị Xen Thị Y có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, với anh Lữ Văn P nên cần được xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Sau khi kết hôn chị Y và anh P chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 chị Y sang Nhật Bản sinh sống và làm việc, đến năm 2022 thì anh P sang Nhật Bản sinh sống và làm việc nhưng không ở gần nhau. Do khoảng cách địa lý xa xôi, công việc bận rộn nên vợ chồng cũng ít khi nói chuyện, quan tâm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng từ đó lạnh nhạt, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, không còn liên lạc quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Y và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Y là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Xen Thị Y và anh Lữ Văn P có 01 con chung là cháu Lữ Quốc V, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2016.

Xét thấy, cháu Lữ Quốc V sinh ngày 08/01/2016 hiện còn nhỏ, cần có người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định để bảo đảm điều kiện phát triển toàn diện. Chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; tuy nhiên hiện nay chị Y đang lao động ở nước ngoài nên chưa thể trực tiếp chăm sóc cháu. Anh Lữ Văn P hiện cũng đang lao động ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Trong thời gian qua, cháu V đang sinh sống ổn định cùng bà ngoại là bà Lô Thị T tại xã T, tỉnh Nghệ An, được chăm sóc bảo đảm về điều kiện sinh hoạt, học tập và tinh thần. Quá trình giải quyết vụ án, cháu V cũng có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại là bà Lô Thị T. Xét nguyện vọng của cháu là phù hợp với thực tế điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng hiện nay, đồng thời bảo đảm sự ổn định về môi trường sống, học tập và tâm lý của cháu nên cần được chấp nhận.

Nguyện vọng của các đương sự là phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con cũng như điều kiện hoàn cảnh của các bên và đúng quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84, 104 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần giao cháu Lữ Quốc V cho chị Xen Thị Y chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành nhưng tạm giao cháu Lữ Quốc V cho bà Lô Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Y về Việt Nam.

Bà Lô Thị T không yêu cầu chị Xen Thị Y và anh Lữ Văn P có nghĩa vụ thanh toán chi phí, công sức nuôi dưỡng cháu Lữ Quốc V trong thời gian qua và các đương sự không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản anh P thực hiện quyền này. Anh P có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Xen Thị Y không yêu cầu và anh Lữ Văn P cũng chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị Xen Thị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 58, 56, 81, 82, 83, 84, 104, 122, 123 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 40, 207, 147, 227, 228, 273, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Xen Thị Y

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Xen Thị Y được ly hôn với anh Lữ Văn P.
2. Về con chung:

Giao con chung cháu Lữ Quốc V sinh ngày 08/01/2016 cho chị Xen Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm giao cháu Lữ Quốc V sinh ngày 08/01/2016 cho bà Lô Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Xen Thị Y trở về Việt Nam.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Xen Thị Y, anh Lữ Văn P.

Anh Lữ Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của Pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Xen Thị Y phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001495 ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (Đã thi hành xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Xen Thị Y, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lô Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND Khu vực 11-Nghệ An;
- THADS Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Quang, Nghệ An;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Ái